

Số: **545**/GD-TCHC

Về kế hoạch sản xuất – kinh doanh – tài chính  
năm 2020

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 5 năm 2020

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.
2. Mã chứng khoán: GDW
3. Địa chỉ trụ sở chính: 2Bis Nơ Trang Long, Phường 14, quận Bình Thạnh, TP. HCM.
4. Điện thoại : 38 412 656 Fax: 38 412 524.
5. Người thực hiện công bố thông tin:
  - Họ và tên: Ông Nguyễn Văn Đăng - Giám đốc Công ty
  - Địa chỉ: 118/8 Hương Lộ 14, phường Tân Thới Hòa, Tân Phú, TP. HCM.
  - Điện thoại:  
+ Di động: 0913855252; Cơ quan: (08)38412655; Fax: (08)38418524

6. Loại thông tin công bố:  
 24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

7. Nội dung công bố thông tin:

Thực hiện Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016 tại điểm e khoản 1 Điều 9 quy định về việc Công ty niêm yết phải ***công bố thông tin Kế hoạch sản xuất – kinh doanh – tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.***

8. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử Công ty  
: [www.capnuocgiadinh.vn](http://www.capnuocgiadinh.vn) (vào mục Tin cổ đông)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Đính kèm:**

- Nghị quyết số /NQ-GĐ-HĐQT ngày 05/5/2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Trưởng ban KS;
- Ban Giám đốc;
- KTT Công ty;
- Lưu VT (NQCT).



Người đại diện pháp luật  
Giám đốc

Nguyễn Văn Đăng



Số: 27 /NQ-GĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 5 năm 2020

## NGHỊ QUYẾT

### *Phiên họp Quý IV/2019 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định;

Căn cứ Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định,

Phiên họp Quý IV/2019 được tổ chức lấy ý kiến từ ngày 20/4/2020 đến ngày 27/4/2020, Hội đồng quản trị đã xem xét, nghiên cứu các báo cáo, trình và thông qua các nội dung:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 kèm Báo cáo kế toán năm 2019;
- Trình Kế hoạch Sản xuất – Kinh doanh – Tài chính năm 2020;
- Trình Quỹ tiền lương, Quỹ Khen thưởng của Người lao động, Người quản lý Công ty thực hiện năm 2019 và kế hoạch năm 2020;
- Trình đơn giá hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2018, 2019, 2020;
- Trình về việc chấp thuận chủ trương thanh lý xe chuyên dụng phục vụ công tác thi công sửa bể;

Và theo kết quả tổng hợp Phiếu ý kiến thành viên Hội đồng quản trị lập ngày 29/4/2020,

### **Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định QUYẾT NGHỊ:**

1. Thông qua Báo cáo số 282/BC-GĐ-KHVT ngày 28/02/2020 (kèm Báo cáo kế toán 2017) về kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2019; trong đó, sản lượng nước đạt 103,18%; tổng doanh thu đạt 105,44%; doanh thu tiền nước đạt 104,68% và lợi nhuận trước thuế đạt 114,45% so với kế hoạch năm 2019 (*Phụ lục 1*).

2. Thông qua Kế hoạch sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2020 theo Tờ trình số 283/TTr-GĐ-KHVT ngày 28/02/2020 của Giám đốc Công ty - bao gồm các mục <sup>(A)</sup>Sản xuất kinh doanh; <sup>(B)</sup>Đầu tư xây dựng; <sup>(C)</sup>Tài chính, <sup>(D)</sup>Trang bị máy móc, sửa chữa văn phòng và công tác đào tạo (*Phụ lục 2*) đính kèm Danh mục các dự án đầu tư xây dựng cơ bản (*Phụ lục 3*) và Danh mục các công trình giảm nước thất thoát thất thu (*Phụ lục 4*), cụ thể như sau:

2.1 Với tỷ lệ 100%, thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;



2.2 Với tỷ lệ 100%, thông qua Kế hoạch Đầu tư xây dựng năm 2020;

2.3 Với tỷ lệ 57.14%, thông qua Kế hoạch tài chính năm 2020;

2.4 Với tỷ lệ 100%, thông qua Kế hoạch trang bị máy móc, sửa chữa văn phòng và công tác đào tạo.

3. Thông qua nội dung Quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 của Người lao động, Người quản lý tại Tờ trình số 443/TTr-GĐ-TCHC ngày 30/3/2020 về việc điều chỉnh quỹ tiền lương thực hiện của Người lao động, Người quản lý Công ty năm 2019 như sau:

a) Quỹ tiền lương của người Lao động 2019: 56.526.677.000 đồng, trong đó có tiền lương tăng thêm 6% Quỹ tiền lương kế hoạch 2019 do lợi nhuận thực hiện vượt so với lợi nhuận kế hoạch 12,12% và năng suất người lao động tăng;

b) Quỹ tiền lương của người Quản lý Công ty chuyên trách 2019: 2.980.800.000 đồng, trong đó có tiền lương tăng thêm 15% Quỹ tiền lương kế hoạch 2019 do lợi nhuận thực hiện vượt so với lợi nhuận kế hoạch 12,12%;

c) Quỹ thù lao của người Quản lý Công ty không chuyên trách: 468.000.000 đồng, theo nội dung trình và được phê duyệt tại Nghị quyết 04/NQ-GĐ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;

d) Tiền lương trong công tác xây dựng cơ bản, sửa chữa, khác... được tính theo thực tế và quy định hiện hành.

e) Đối với Quỹ khen thưởng thực hiện năm 2019, Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên năm 2020.

4. Với tỷ lệ 71.43%, thông qua Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 tại Tờ trình số 444/TTr-GĐ-TCHC ngày 30/3/2020 về quỹ tiền lương, Quỹ khen thưởng của Người lao động, Người quản lý Công ty kế hoạch năm 2020. Theo đó, thống nhất Quỹ tiền lương của Người lao động, Người quản lý Công ty kế hoạch năm 2020 là: 59.586.677.000 đồng, cụ thể như sau:

a) Quỹ tiền lương của người Lao động: 56.526.677.000 đồng;

b) Quỹ tiền lương của người Quản lý Công ty chuyên trách: 2.592.000.000 đồng;

c) Quỹ thù lao của người Quản lý Công ty không chuyên trách sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 phê duyệt là: 468.000.000 đồng với mức chi: Thành viên Hội đồng quản trị: 5 triệu đồng/người; Kiểm soát viên, Người quản trị Công ty: 3 triệu đồng/người.

d) Tiền lương trong công tác xây dựng cơ bản, sửa chữa, khác... được tính theo thực tế và quy định hiện hành.

e) Đối với Quỹ khen thưởng thực hiện năm 2020, Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên năm.

5. Thông qua Tờ trình số 380/TTr-GĐ-KHVT ngày 19/3/2020 về việc chấp thuận chủ trương thanh lý xe chuyên dụng phục vụ công tác thi công sửa bể. Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo tổ chức việc thanh lý theo đúng các quy định pháp luật.

6. Ghi nhận nội dung trình về đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2018, 2019, 2020 theo Tờ trình số 330/TTr-GĐ-KTTC ngày 09/3/2020 về việc thông qua đơn giá mua sỉ nước sạch năm 2018, 2019, 2020 và tại công văn số 473/GĐ-KTTC ngày 10/4/2020 về việc chênh lệch công nợ tiền nước do chưa ký hợp đồng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV. Theo đó, các thành viên Hội đồng quản trị chưa thống nhất việc thông qua đơn giá mua bán sỉ nước sạch theo nội dung tờ trình. Đề nghị Hội đồng quản trị tiếp tục tích cực thảo luận, nghiên cứu các nội dung liên quan để hướng đến việc ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch nêu trên giữa Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV nhằm tránh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất – kinh doanh – tài chính của Công ty.

**Nơi nhận:**

- UBCK, SGDCK “để báo cáo”;
- Thành viên HĐQT;
- CT HĐQT, KSV TCTy;
- Trưởng BKS;
- Ban giám đốc;
- Kế toán trưởng Cty;
- P.TCHC, P.KHVT,
- BQLDA, KT, GNKDT;
- Lưu VT (Tky.14)

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**







**QUYẾT NGHỊ**

**Về Kết quả sản xuất kinh doanh – tài chính năm 2019**

(Đính kèm Nghị quyết số 27 /NQ-GĐ-HĐQT ngày 07 tháng 5 năm 2020)

Chỉ tiêu	Đ/v tính	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ (%)	
					So với TH năm 2018	So với KH 2019
<b>A. SẢN XUẤT KINH DOANH</b>		(1)	(2)	(3)	(4= 3/1)	(5=3/2)
1. Nước tiêu thụ	triệu m <sup>3</sup>	51,564	52,000	53,654	104,05	103,18
2. Gắn mới đồng hồ nước	cái	1.254	500	1.174	93,62	234,80
3. Thay đồng hồ nước	cái	26.658	26.015	26.939	101,05	103,55
4. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
<b>B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>						
5. Cải tạo hoàn thiện mạng lưới cấp nước	m	2.301	3.568	3.425	148,85	95,99
	tỷ đồng	9,768	12,753	14,074	144,08	110,36
6. Đầu tư thay mới ống mục	m	1.663	440	380	22,85	86,36
	tỷ đồng	7,214	3,174	2,518	34,90	79,33
7. Công trình giảm nước thất thoát thất thu	m	8.187	13.473	4.468	54,57	33,16
	tỷ đồng	29,782	61,199	33,187	111,43	54,23
<b>C. TÀI CHÍNH</b>						
8. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	491,136	493,720	520,569	105,99	105,44
9. Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	484,261	489,320	512,239	105,78	104,68
10. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	18,430	18,350	21,001	113,95	114,45
11. Nộp ngân sách	Tỷ đồng	79,275	79,753	84,126	106,12	105,48



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Phụ lục 2**

**QUYẾT NGHỊ**

**Về Kế hoạch sản xuất - kinh doanh – tài chính năm 2020**

(Đính kèm Nghị quyết số 27 /NQ-GĐ-HĐQT ngày 07 tháng 5 năm 2020)

Chỉ tiêu	Đ/v tính	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	% KH 2020 so với TH 2019
<b>A. SẢN XUẤT KINH DOANH</b>		(1)	(2)	(3=2/1)
1. Nước tiêu thụ	triệu m <sup>3</sup>	53,654	54,800	102,14%
2. Gắn mới đồng hồ nước	Cái	1.174	500	42,59%
3. Thay đồng hồ nước	Cái	26.939	27.020	100,30%
4. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100,00	100,00	100,00%
<b>B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>				
1. Phát triển mạng lưới cấp nước	m	-	800	-
	Tỷ đồng	-	2,000	-
2. Cải tạo hoàn thiện mạng lưới cấp nước	m	3.425	-	-
	Tỷ đồng	14,074	-	-
3. Đầu tư thay mới ống mục	m	380	3.364	-
	Tỷ đồng	2,518	16,182	-
4. Công trình giảm nước thất thoát thất thu	m	4.468	6.018	-
	Tỷ đồng	33,187	35,551	-
<b>C. TÀI CHÍNH</b>				
1. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	520,569	574,126	110,29%
2. Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	512,239	569,626	111,20%
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	21,001	11,591	55,19%
4. Nộp ngân sách	Tỷ đồng	84,126	90,315	107,36%
<b>D. TRANG BỊ MÁY MÓC, SỬA CHỮA VẤN PHÒNG, CÔNG TÁC ĐÀO TẠO</b>				
1. Trang thiết bị văn phòng	Tỷ đồng	1,357	2,000	
2. Bản quyền phần mềm Arcgis	Tỷ đồng	0,938	0,938	
3. Trang bị máy móc thiết bị phục vụ công tác quản lý mạng lưới, công nghệ thông tin	Tỷ đồng	1,500	3,000	
4. Số hóa kho hồ sơ khách hàng	Tỷ đồng	-	1,000	



**PHỤ LỤC 3**  
**QUYẾT NGHỊ**  
**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2020**  
(Đính kèm Nghị quyết số 28 /NQ-GĐ-HĐQT ngày 07 tháng 5 năm 2020)

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giải ngân (tr.đồng)	
	<b>TỔNG SỐ:</b>		<b>24,091m</b>	<b>95,275</b>	<b>4,164m</b>	<b>18,182</b>	<b>16,364</b>	
	<b>I. Phát triển mạng lưới cấp nước:</b>		<b>1,640m</b>	<b>8,020</b>	<b>800m</b>	<b>2,000</b>	<b>1,800</b>	
	<b>1. Công trình chuyển tiếp:</b>		<b>800m</b>	<b>2,000</b>	<b>800m</b>	<b>2,000</b>	<b>1,800</b>	
1	PTMLCN rạch nhánh Bùi Hữu Nghĩa P1 QBT	QBT	800m Ø125	2,000	800m	2,000	1,800	
	<b>2. Công trình khởi công mới:</b>							
	<b>3. Công trình chuẩn bị đầu tư</b>		<b>840m</b>	<b>6,020</b>	<b>0m</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	PTMLCN đường Chu Văn An (từ ngã 5 Bình Hòa đến Phan Chu Trinh) P12 QBT	QBT	700m B355	5,600	0m	0	0	
2	PTMLCN hẻm 565 Nơ Trang Long P13 QBT	QBT	140m Ø125	420				
	<b>II. Đầu tư thay mới ống mục:</b>		<b>22,451m</b>	<b>87,255</b>	<b>3,364m</b>	<b>16,182</b>	<b>14,564</b>	
	<b>1. Công trình chuyển tiếp:</b>		<b>2,564m</b>	<b>11,782</b>	<b>2,564m</b>	<b>11,782</b>	<b>10,604</b>	
1	Đầu tư thay mới ống mục đường Nguyễn Xí (từ Nơ Trang Long đến Phạm Văn Đồng) P13 QBT	QBT	650m Ø180	3,000	650m	3,000	2,700	Phối hợp với dự án "Mở rộng đường Nguyễn Xí" do Ban QLĐT XDCT quận Bình Thạnh làm chủ đầu tư
2	Đầu tư thay mới ống mục đường Nguyễn Xí (từ Phạm Văn Đồng đến Lương Ngọc Quyến) P13 QBT	QBT	450m Ø180	2,000	450m	2,000	1,800	
3	Đầu tư thay mới ống mục lẻ trái đường Điện Biên Phủ (từ XVNT đến hẻm 527 Điện Biên Phủ) P25 quận Bình Thạnh	QBT	647m Ø280	3,689	647m	3,689	3,320	
4	Đầu tư thay mới ống mục P 14, 24 quận BT (đợt 2)	QBT	585m Ø180 232m Ø125	3,093	817m	3,093	2,784	
	<b>2. Công trình khởi công mới:</b>		<b>800m</b>	<b>4,400</b>	<b>800m</b>	<b>4,400</b>	<b>3,960</b>	
1	Đầu tư thay mới ống mục phường 22 quận Bình Thạnh	QBT	350m Ø180 450m Ø125	4,400	800m	4,400	3,960	
	<b>3. Công trình chuẩn bị đầu tư</b>		<b>19,087m</b>	<b>71,073</b>				
1	Đầu tư thay mới ống mục đường Thanh Đa (từ Bình Quới đến số nhà 92 Thanh Đa) P27 QBT	QBT	380m Ø180 150m Ø125	2,300				
2	Đầu tư thay mới ống mục đường Hồ Biểu Chánh (từ Nguyễn Văn Trỗi đến Huỳnh Văn Bánh) P11 QPN	QPN	700m Ø225	4,000				
3	Đầu tư thay mới ống mục đường Hoàng Diệu (từ Trương Quốc Dung đến Đặng Văn Ngữ) P10 QPN	QPN	330m Ø225 50m Ø125	1,997				

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giải ngân (tr.đồng)	
4	Đầu tư thay mới ống mục lè phải đường Điện Biên Phủ (từ 649 đến 541 Điện Biên Phủ) P25 quận Bình Thạnh	QBT	550m Ø180	3,658				
5	Đầu tư thay mới ống mục đường Cô Giang (từ Phan đình Phùng đến nhà 142C) P2 QPN	QPN	650m Ø180	3,400			-	
6	Đầu tư thay mới ống mục đường Trường Sa (từ Điện Biên Phủ đến Xô Viết Nghệ Tĩnh) P17 QBT	QBT	800m Ø225	3,440				
7	Đầu tư thay mới ống mục lè trái đường Nguyễn Trọng Tuyển (từ Phan Đình Phùng đến Trần Huy Liệu) P15 QPN	QPN	400m Ø225	2.220			-	
8	Đầu tư thay mới ống mục đường Võ Duy Ninh P22 quận Bình Thạnh	QBT	980m Ø225	4,974				
9	Đầu tư thay mới ống mục đường Chiến Thắng (từ Trần Khắc Chân đến Nguyễn Kiệm) P9 QPN	QPN	980m Ø180	4,557				
10	Đầu tư thay mới ống mục đường Đỗ Tấn Phong (từ Trần Khắc Chân đến Chiến Thắng) P9 QPN	QPN	550m Ø125	2,159				
11	Đầu tư thay mới ống mục phường 26 QBT	QBT	190m Ø225 620m Ø125	4,336			0	
12	Đầu tư thay mới ống mục đường Mai Văn Ngọc ( từ Nguyễn Văn Trỗi đến Huỳnh Văn Bánh) P10 QPN	QPN	650m Ø225	3,543				
13	Đầu tư thay mới ống mục đường Nguyễn Thượng Hiền (từ Hoàng Hoa Thám đến Lê Quang Định) P5 QBT, P1 QGV	QBT QGV	1,100m Ø180	5,665				
14	Đầu tư thay mới ống mục đường Nguyễn Thượng Hiền (từ Hoàng Hoa Thám đến 298 Nguyễn Thượng Hiền) P5 QPN	QPN	520m Ø180	2,678				
15	Đầu tư thay mới ống mục đường Nguyễn Hồng (từ Phạm Văn Đồng đến 56B Nguyễn Hồng) P1 QGV	QGV	350m Ø225	2,000				
16	Đầu tư thay mới ống mục hẻm 602 Điện Biên Phủ ( từ Điện Biên Phủ đến 602/90A Đ B Phủ) P22 QBT	QBT	400m Ø180	2,060				
17	Đầu tư thay mới ống mục hẻm 75 Nguyễn Cửu Vân P17, hẻm 180 Nguyễn Hữu Cảnh P22, hẻm 618B1 XVNT P25 QBT	QBT	350m Ø180 400m Ø125	3,500				
18	Đầu tư thay mới ống mục đường Đào Duy Anh P9 QPN	QPN	1,200m Ø180	5,440				
19	Đầu tư thay mới ống mục hẻm 413A Ung Văn Khiêm P25 QBT	QBT	422m Ø180 435m Ø125	3,546				



STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giải ngân (tr.đồng)	
20	Đầu tư thay mới ống mục 2 bên lề đường Chu Văn An (từ ngã 5 Bình Hòa đến Phan Chu Trinh) P12 QBT	QBT	1,400m Ø180	5,600				

**PHỤ LỤC 4**  
**QUYẾT NGHỊ**  
**DANH MỤC CÔNG TRÌNH GIẢM NƯỚC THẮT THOÁT THẮT THU NĂM 2020**  
(Đính kèm Nghị quyết số 27/NQ-GĐ-HĐQT ngày 07 tháng 5 năm 2020)

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm	Đăng ký thực hiện năm 2019				Ghi chú
			Khối lượng (mét)		Bộ đai	Hầm ĐH	
	<b>TỔNG SỐ CHUYÊN TIẾP 2019 + CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ 2020</b>		<b>18,515m</b>		<b>1,355</b>	<b>5</b>	<b>94,397</b>
<b>I</b>	<b>Công trình chuyển tiếp 2019 sang 2020</b>		<b>6,018m</b>		<b>1,008</b>	<b>5</b>	<b>35,551</b>
1	SCOM đường Bùi Đình Túy, hẻm 101 Đinh Bộ Lĩnh, thay đai hẻm 70 Chu Văn An, hẻm 21 Nguyễn Xí, P26, QBT	QBT	270m	Ø180	110		1,279
2	SCOM lề phải 685 XVNT (đoạn từ XVNT đến Quốc Lộ 13) P26 QBT		380m	Ø125			1,116
3	Sửa chữa ống mục đường Hoa Hồng, hẻm 64 Cù Lao P2 QPN	QPN	300m	Ø125	0	0	1,515
4	Sửa chữa ống mục đường Nguyễn Công Hoan, đường Trường Sa (từ 290 đến 336) P2 QPN	QPN	200m	Ø125	0	0	900
5	Phân vùng tách mạng DMA PN0700 P7 QPN, DMA BT1302 P13 QBT	QPN, QBT	300m	Ø100	0	1	1,350
6	Phân vùng tách mạng và lắp đặt van giảm áp cho các khu vực P2, 3, 10 QPN; P2 QBT	QPN, QBT	0m		0	4	1,200
7	Sửa chữa ống mục đường Cù Lao (từ 78 đến Trường Sa) P2 QPN	QPN	440m	Ø125	0	0	1,848
8	Sửa chữa ống mục đường Hoa Phượng (từ 68 đến Trường Sa) P2 QPN	QPN	250m 40m	Ø125 Ø180	0	0	1,218
9	Sửa chữa ống mục đường Hoa Lan (từ Nguyễn Công Hoan đến đường số 11) P2 QPN	QPN	330m	Ø125	0	0	1,655
10	Sửa chữa ống mục đường Hoa Hồng (từ Nguyễn Công Hoan đến đường số 11) P2 QPN	QPN	250m	Ø125	0	0	1,325
11	Sửa chữa ống mục hẻm 112 Chiến Thắng P9 QPN	QPN	270m	Ø125	0	0	1,283
12	Sửa chữa ống mục hẻm 166/46 Thích Quảng Đức P4 QPN	QPN	150m	Ø125	0	0	713
13	Sửa chữa ống mục đường Phú Mỹ, hẻm 23 Nguyễn Hữu Cảnh P22 QBT	QBT	300m	Ø125	0	0	1,050
14	Sửa chữa ống mục hẻm 286 Nguyễn Thượng Hiền, hẻm 64, 72 Phan Đăng Lưu P5 QPN	QPN	550m	Ø125	0	0	1,925
15	Thay đai hẻm 25, 195 Lê Văn Sỹ P13, Trường Sa từ 702 đến 868, hẻm 108, 118 Trần Quang Diệu, SCOM hẻm 60 Trần Quang Diệu P14 Q3	Q3	12m	Ø125	222	0	1,596
16	Thay đai hẻm 204, 209, 232/17 Quốc Lộ 13; hẻm 75, 272 Đinh Bộ Lĩnh; hẻm 82 Chu Văn An; SCOM hẻm 270/43 Quốc Lộ 13 P26 QBT	QBT	30m	Ø125	140	0	1,368
17	Thay đai hẻm 407, 413, SCOM hẻm 115 Lê Văn Sỹ P12 Q3	Q3	22m	Ø125	85	0	1,188
18	Thay đai hẻm 453 Lê Văn Sỹ (từ 453/15KD đến 453KH/86A) P12 Q3	Q3	0m		165	0	1,556



STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm	Đăng ký thực hiện năm 2019				Ghi chú
			Khối lượng (mét)		Bộ đai	Hầm ĐH	
19	Thay đai hèm 453 Lê Văn Sỹ (từ 453/79 đến 453/159KC) P12 Q3	Q3	0m		160	0	1,620
20	Thay đai hèm 40 Nguyễn Văn Đậu P5 QPN- P6 QBT; SCOM hèm 124 Nguyễn Đình Chiểu; hèm 400 Nguyễn Kiệm P3, hèm 18/4 Thích Quảng Đức P5 QPN	QPN	20m 74m	Ø125 Ø125	40	0	955
21	Sửa chữa ống mục hèm 346 Phan Văn Trị P11QBT	QBT	340m	Ø125	0	0	1,686
22	Thay đai hèm 104 Ngô Tất Tố P22; hèm 685/78 XVNT P26 QBT	QBT	0m		86	0	947
23	Sửa chữa ống mục hèm 434/9 Bình Quới (từ 434/9 đến 434/46/1B) P28 QBT	QBT	360m	Ø180	0	0	1,512
24	Sửa chữa ống mục hèm 434/46/1B Bình Quới (từ 434/46/1B đến 434/46/25C) P28 QBT	QBT	230m	Ø180	0	0	966
25	SCOM đường Trần Văn Kỳ P14 QBT	QBT	350m	Ø180	0	0	1,470
26	Sửa chữa ống mục hèm 434 Bình Quới (từ 434/34 đến 434/34/19) P28 QBT	QBT	250m	Ø180	0	0	1,050
27	Sửa chữa ống mục hèm 434 Bình Quới (từ 434/34/19 đến 434/34/23P) P28 QBT	QBT	300m	Ø180	0	0	1,260
	Sửa chữa ống mục P350 gang đường Lê Quang Định (từ Phạm Văn Đồng đến số 5 Nguyễn Văn Nghi) P1, 4 QGV	QGV	220m	Ø350	0	0	
<b>II</b>	<b>Công trình chuẩn bị đầu tư năm 2020</b>		<b>12,497m</b>		<b>347</b>	<b>0</b>	<b>58,846</b>
1	Sửa chữa ống mục khu vực phường 12, 13, 14 quận 3	Q3	82m 168m	Ø180 Ø125			1,029
2	Sửa chữa ống mục hèm 113 Võ Duy Ninh (từ 113/2 đến 113/68) P22 QBT	QBT	289m	Ø180			1,476
3	Sửa chữa ống mục hèm 113 Võ Duy Ninh (từ 113/4/13 đến 113/4/119) P22 QBT	QBT	303m	Ø180			1,561
4	Sửa chữa ống mục hèm 113 Võ Duy Ninh (từ 113/4/14 đến 113/4/16/11 và từ 113/68 đến 113/102) P22 QBT	QBT	407m	Ø125			1,425
5	Sửa chữa ống mục hèm 43R Hồ Văn Huê P9 QPN	QPN	300m 200m	Ø180 Ø125			2,510
6	Sửa chữa ống mục hèm 43D Hồ Văn Huê P9 QPN	QPN	200m 520m	Ø180 Ø125			3,164
7	Sửa chữa ống mục hèm 778 Nguyễn Kiệm P4 QPN	QPN	200m 380m	Ø180 Ø125			2,576
8	Sửa chữa ống mục hèm 750 Nguyễn Kiệm P4 QPN	QPN	150m 180m	Ø180 Ø125			1,838
9	Sửa chữa ống mục hèm 12 Đào Duy Anh P9 QPN	QPN	350m	Ø180			2,205
10	Sửa chữa ống mục DMA0901 P9 QPN	QPN	140m 400m	Ø180 Ø125			2,933
11	Sửa chữa ống mục đường Cù Lao P2 QPN	QPN	300m 250m	Ø180 Ø125			2,520
12	Sửa chữa ống mục đường Hoa Phượng, Hoa Sứ P2 QPN	QPN	450m	Ø180			2,363

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm	Đăng ký thực hiện năm 2019				Ghi chú
			Khối lượng (mét)		Bộ đai	Hầm ĐH	
13	Sửa chữa ống mục đường Hoa Lan (từ Cù Lao đến Hoa Sứ) P2 QPN	QPN	550m	Ø125			2,434
14	Sửa chữa ống mục đường Hoa Lan (từ Hoa Sứ đến Nguyễn Công Hoan) P2 QPN	QPN	550m	Ø125			2,434
15	Thay đai hẻm 214, 261/40/5 Bùi Đình Túy, Phường 12, Quận Bình Thạnh, SCOM hẻm 114, 222 Bùi Đình Túy, hẻm 120 Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh	QBT	430m	Ø125	103		2,327
16	SCOM hẻm 125/42/9 Bùi Đình Túy, Phường 24, Quận Bình Thạnh	QBT	150m	Ø125			525
17	SCOM hẻm 311, 270 Nguyễn Xí, hẻm 457, 412, 426, 454 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh	QBT	640m	Ø125			2,316
18	Thay đai 347/18 Huỳnh Văn Bánh, đường Trần Hữu Trang, Phường 11, Quận Phú Nhuận				95		1,516
19	SCOM hẻm 1134 Trường Sa, thay đai hẻm 489A/21 Huỳnh Văn Bánh, Phường 13, Quận Phú Nhuận	QPN	70m	Ø125	95		910
20	SCOM hẻm 86 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8; đường Bùi Văn Thềm, hẻm 170 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Quận Phú Nhuận	QPN	380m	Ø125			1,414
21	SCOM Phường 17, Quận Phú Nhuận	QPN	300m	Ø50			960
22	SCOM hẻm 129 Nguyễn Hồng, Phường 11, Quận Bình Thạnh; hẻm 5 Trương Đăng Quế, hẻm 192 Nguyễn Thượng Hiền hẻm 24 Nguyễn Bình Khiêm, Phường 1,	QBT QGV	307m 30m	Ø125 Ø50			1,171
23	SCOM hẻm 602/37 Điện Biên Phủ, hẻm 15 Võ Duy Ninh, Phường 22, Quận Bình Thạnh	QBT	352m	Ø125			1,232
24	SCOM đường Phó Đức Chính (từ 109 đến 123) Phường 1; hẻm 207 Bạch Đằng, hẻm 57 Điện Biên Phủ Phường 15; hẻm 75 Nguyễn Cửu Vân, hẻm 11A3 XVNT	QBT	378m 35m	Ø125 Ø50			1,461
25	SCOM hẻm 427, 593, 801/3, 801/39, 749 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh	QBT	470m	Ø125	20		1,838
26	SCOM hẻm 82/45, 59/3/22, 363/37, 363/48 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh	QBT	190m 38m	Ø125 Ø50	26		969
27	SCOM hẻm 63, 183, 232 Quốc Lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh	QBT	470m	Ø125	8		2,156
28	Sửa chữa ống mục đường Lê Quang Định (từ Phạm Văn Đồng đến số 5 Nguyễn Văn Nghi) P1, P4 QGV	QGV	220m	Ø400			2,783
29	Sửa chữa ống mục lề phải đường Hoàng Văn Thụ (từ Nguyễn Kiệm đến đường ray xe lửa) P9 QPN	QPN	500m	Ø225			3,300
30	Sửa chữa ống mục lề trái đường Hoàng Văn Thụ (từ quân khu 7 đến Hồ Văn Huê) P9 QPN	QPN	900m	Ø180			2,100
31	Sửa chữa ống mục 02 bên lề đường Lê Quang Định (từ Phạm Văn Đồng đến cầu Hang ngoài) P1 QGV	QGV	350m	Ø180			1,400